**Đặc tả Use Case Đổi mật khẩu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | **UC1020** | **Tên Use case** | **Đổi mật khẩu** |
| **Tác nhân** | | Khách, quản lý, nhân viên | |
| **Mục đích Use case** | | Thay đổi mật khẩu người dùng | |
| **Sự kiện kích hoạt** | | Tác nhân chọn chức năng thay đổi mật khẩu | |
| **Tiền điều kiện** | | Tác nhân đã có tài khoản trong hệ thống | |
| **Luồng sự kiện chính (Thành công)** | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1 | Tác nhân | Yêu cầu thay đổi mật khẩu | | 2 | Hệ thống | Hiển thị form thay đổi mật khẩu | | 3 | Tác nhân | Nhập mật khẩu cũ, mật khẩu mới và nhập lại mật khẩu mới | | 4 | Hệ thống | Kiểm tra các trường đã được điển đầy đủ hay chưa | | 5 | Hệ thống | Kiểm tra mật khẩu cũ có trùng khớp với trong CSDL hay không | | 6 | Hệ thống | Kiểm tra mật khẩu nhập lại và mật khẩu có trùng khớp hay không | | 7 | Hệ thống | Kiểm tra độ an toàn của mật khẩu | | 8 | Hệ thống | Cập nhật lại mật khẩu và thông báo thành công | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 4a | Hệ thống | thông báo lỗi: cần nhập đầy đủ các trường | | 5a | Hệ thống | thông báo lỗi: mật khẩu cũ không trùng khớp, yêu cầu nhập lại | | 6a | Hệ thống | thông báo lỗi : mật khẩu nhập lại và mật khẩu không trùng khớp | | 7a | Hệ thống | thông báo lỗi : Mật khẩu cần đảm bảo độ an toàn nếu mật khẩu không đảm bảo độ an toàn được quy định bởi hệ thống (có ít nhất 8 ký tự, trong đó có cả chữ cái thường và chữ cái hoa, ít nhất 1 chữ số và 1 ký tự đặc biệt) | | |
| **Hậu điều kiện** | | Hệ thống cập nhật lại mật khẩu thành công và hiển thị thông báo | |